TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 484/2026/HC-PT
Ngày: 24/4/2026
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết kiếu nại đối với quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Trần Ngọc Tuấn

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Yến Xuân, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thông, Kiểm sát viên cao cấp Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24/4/2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 436/2025/TLPT-HC ngày 08/12/2025, về việc: *"Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại",* giữa các bên đương sự:

Người khởi kiện: **Bà Nguyễn Thị Khoa D**, sinh năm: 1950; Địa chỉ: B, khu phố C, Đường N, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai (Có mặt)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố B: **Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1952; Địa chỉ tạm trú: 2241, đường N, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai. (xin vắng mặt)

2/ Bà Khổng Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số nhà B, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà Lê Thị Trúc L, sinh năm 1990; Địa chỉ: B, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

4/ Bà Trần Thị H1; sinh năm 1963; Địa chỉ: Số B, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

5/ Ông Trương Tiến C; Địa chỉ: B, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

6/ Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1966 (có mặt) và bà Lê Thị B, sinh năm 1965; Địa chỉ: 2, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

7/ Bà Nguyễn Thị L1; Địa chỉ: Nhà không số, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

8/ Bà Nguyễn Thị Kim C1; Địa chỉ: 2, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

9/ Bà Trần Thị Q và ông Trần Văn N; Địa chỉ: Nhà không số, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, TP B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

10/ Ông Phan Văn Ú; Địa chỉ: 2, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai;

11/ Bà Phan Thị Ý, sinh năm 1971; Địa chỉ: 2, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

12/ Bà Phan Thị M; Địa chỉ: 2, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

13/ Bà Quách Thị L2; Địa chỉ: 2, hẻm S, đường H, tổ A, khu phố C, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

14/ Bà Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1982.

15/ Ông Lê Duy C2, sinh năm 1979

Cùng trú tại: B N, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

16/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L3, sinh năm 1959; Địa chỉ: B đường N, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

17/ Nguyễn Thị Mỹ C3; Địa chỉ: B đường N, phường Q, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Khoa D, ông Lê Văn Đ, ông Lê Duy C2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của phía người khởi kiện trình bày:

Khoảng năm 1952, cha của bà D là cụ Nguyễn Đồng K nhận chuyển nhượng diện tích đất ruộng 3.310m^2 tại Phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sử dụng đất, cụ K đào con mương diện tích khoảng 1m ngang chạy dài hết đất để thoát nước cho ruộng của gia đình và các hộ xung quanh. Năm 1976 – 1979, Tập đoàn sản xuất số B, phường Q được thành lập, có quốc hữu hóa toàn bộ diện tích đất ruộng 3.310m^2 của gia đình cụ K. Khoảng năm 1986 -1987 tập đoàn giải thể, cụ K xin lại diện tích đất 3.310m^2 để canh tác trong đó có cả con mương, nhưng cụ K vẫn cho các hộ dân xung quanh sử dụng con mương để thoát nước chung.

Khoảng năm 1987, cụ K cho bà D diện tích đất 1.100m^2 trong đó có 01 phần con mương thoát nước và bà D vẫn để cho các hộ dân xung quanh sử dụng mương nước này vì chưa có mương nước chung.

Khoảng năm 2000, Nhà nước đã quy hoạch hệ thống cống thoát nước chạy dọc đường H, một số hộ dân đã tự làm đường thoát nước của gia đình mình để thoát ra cống thoát nước chung này, nhưng còn nhiều hộ dân của hẻm B (hẻm A mới) vẫn sử dụng mương thoát nước của gia đình bà.

Khoảng năm 2004 - 2005, bà đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan ban ngành có xuống đo đạc kiểm tra hiện trạng, bà có cam kết tiếp tục để cho các hộ dân sử dụng con mương. Ngày 25/06/2009, bà được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO365082, thửa đất số 268, tờ bản đồ số 11, phường Q, diện tích đất 432,2m^2, trong đó có mương nước diện tích 3m x dài 26,3m.

Bà thấy rằng, đường H đã có hệ thống thoát nước chung, hẻm B (hẻm A mới) rộng tới 4m và có nhiều hộ dân sinh sống, có đủ điều kiện để làm đường thoát

nước riêng, không cần sử dụng đường mương thoát nước của bà gây bất tiện cho cả hai, nên bà đã khiếu nại gửi tới Ủy ban nhân dân thành phố B, kiến nghị xử lý nước thải của tập thể chảy vào đất riêng của gia đình bà.

Ngày 23/8/2016 và ngày 07/3/2017, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Văn bản số 7972/UBND – TCD và số 2442/UBND – TCD, trong đó có nội dung: *Giữ nguyên hiện trạng đoạn mương nước như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Khoa D để làm hệ thống thoát nước chung*.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B giữ nguyên hiện trạng con mương làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, nên bà khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 7972 và số 2442 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Theo đơn và lời khai của phía người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

Bà Nguyễn Thị Khoa D đang sử dụng diện tích đất 432.2m², thuộc thửa đất số 268, tờ bản đồ số 11, phường Q và đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 365082 ngày 25/6/2009. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà D được cấp, có thể hiện con mương nước diện tích 26,7m^2. Theo Báo cáo số 1428 ngày 27/02/2017 của Phòng T4 thể hiện: ngày 23/12/2004, Phòng Tài nguyên đã làm việc với bà D và ông Đ, hai ông bà đã cam kết giữ nguyên hiện trạng mương thoát nước để sử dụng chung cho các hộ dân tại hẻm B, từ đó Ủy ban phường Q mới xác nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D.

Qua xác minh hiện trạng thực tế, thì con mương thoát nước kéo dài từ thửa đất số 352, 353, 592 của ông Lê Văn Đ đến thửa đất số 268, tờ bản đồ số 11 của bà D là hệ thống thoát nước hiện hữu đã có từ năm 1953 đến nay, được sử dụng làm đường mương thoát nước chung của tập đoàn B1 và 14 hộ dân tại hẻm B, B đường H, khu phố C, phường Q. Con mương này là lối thoát nước duy nhất giải quyết ngập úng cho các hộ dân trong hẻm 22 và 26 (hướng thoát nước ra đường H quá cao so với nền nhà của các hộ dân cuối hẻm B), nên bà D không được cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy theo Điều 265, 270 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đã Ban hành Văn bản số 7972 ngày

23/8/2016 và Văn bản số 2442 ngày 07/3/2017, nội dung: khiếu nại của bà D không có cơ sở xem xét, giải quyết; giữ nguyên hiện trạng con mương làm hệ thống thoát nước chung.

Bà D khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 7972 ngày 23/8/2016 và Văn bản số 2442 ngày 07/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bác đơn khởi kiện của bà D.

Theo đơn và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông là chủ sử dụng thửa đất số 592 và 628, tờ bản đồ số 11, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc đất do ông nhận chuyển nhượng của ông T (anh trai bà D) năm 2002. Thửa đất số 628 của ông giáp ranh với thửa 268, tờ bản đồ số 11 của bà D. Do bà D đã bán một phần thửa đất 268 cho anh Lê Duy T1 (con trai ông), nên thửa đất 628 của ông giáp với phần đất anh T1 mua của bà D. Khi nhận chuyển nhượng đất, trên thửa 592, 628 của ông có con mương đất rộng khoảng 2 đến 3m nối với con mương nằm trên thửa đất 268 của bà D, con mương này có từ 1974 làm đường thoát nước của các hộ dân hẻm A, đường H. Từ năm 2000, nhà nước đã làm cống thoát nước trên đường H, nhưng chỉ có một số hộ dân làm đường thoát nước mới chảy ra cống thoát nước này, còn lại vẫn sử dụng đường thoát nước chảy qua đất của ông và bà D. Phía ông và bà D đã khiếu nại, nhưng Ủy ban thành phố B không chấp nhận khiếu nại.

Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố B phải tổ chức xây dựng con mương công cộng, để người dân hẻm A có chỗ thoát nước sinh hoạt.

Theo đơn và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Duy C2 trình bày:

Vợ chồng anh nhận chuyển nhượng 95,6m^2 đất thổ cư tại thửa 268, tờ bản đồ số 11 của bà D, đất này vợ chồng anh đã ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng anh không nhớ số thửa bao nhiêu và không cung cấp được giấy tờ cho Tòa án. Vợ chồng anh đang sử dụng một phần con mương nối với phần con mương còn lại trên thửa 268 của bà D. Anh đồng ý với khởi kiện của bà D.

Theo đơn và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khổng Thị H, bà Lê Thị Trúc L, bà Trần Thị H1, bà Phan Thị Ý, ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Các ông bà đang sinh sống tại hẻm A (hẻm B cũ), đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đất của các ông, bà nằm đối diện với đất của bà D và ông Đ. Nguồn gốc con mương nằm trên đất của bà D, ông Đ chính là con rạch thoát nước chung của cả khu vực, con rạch này có từ những năm 1953. Quá trình sử dụng đất và đô thị hóa, con rạch bị lấn chiếm thụ hẹp lại, nên hiện còn là cống thoát nước ngầm do gia đình bà D, ông Đ quản lý. Việc Ủy ban thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D có cả cống thoát nước chung của các hộ dân trong hẻm A là không đúng, gây bất tiện cho xóm khi ngập úng, phải nạo vét cống. Đề nghị Tòa án bác khởi kiện của bà D, giữ nguyên hiện trạng con mương như văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đã trả lời.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Tiến C, bà Lê Thị B, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Kim C1, bà Trần Thị Q, ông Trần Văn N, ông Phan Văn Ú, bà Phan Thị M, bà Quách Thị L2, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Mỹ L3, bà Nguyễn Thị Mỹ C3:

Không có ý kiến gì và không có lời khai.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 17/2025/HC-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khoa D về việc đòi hủy văn bản số 7972 ngày 23/8/2016 và Văn bản số 2442 ngày 07/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Khoa D được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Khoa D, ông Lê Văn Đ, ông Lê Duy C2 làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi gia đình bà, xin phúc xử lại chấp nhận khởi kiện của bà D, buộc Ủy ban

nhân dân thành phố B làm đường thoát nước riêng cho các hộ không đổ nước vào nhà các ông, bà theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người khởi kiện bà D trình bày, Bà sẽ thực hiện việc làm một đường cống nước riêng, bỏ chi phí bà bỏ ra để lắp đặt cho các hộ thông thoát nước ra đường cống ở đường H mà không phải chảy qua mương nước của bà. Phía ông Đ cũng có văn bản thống nhất ý kiến với bà D, hiện nay có con hẻm là lối đi chung khoảng vài chục mét là ra đường cống lớn công cộng của Đường H rất thuận tiện, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố B lại bác đơn khiếu nại của bà D về việc này là không thỏa đáng.

Phía người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung thì Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa nghe đương sự trình bày và nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Khoa D, ông Lê Văn Đ, ông Lê Duy C2 làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Phía người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị kiện được pháp luật quy định tại điều Luật tố tụng Hành chính.

[3] *Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:*

[3.1] Thửa đất số 268, tờ bản đồ 11, phường Q, thành phố B có diện tích 432,2m² của bà Nguyễn Thị Khoa D và thửa đất 592, thửa 628 (thửa cũ là 352, thửa 353, thửa 592) của ông Lê Văn Đ có nguồn gốc do cha bà D là ông Nguyễn Đồng K tạo lập từ năm 1952.

Khoảng năm 1953, cụ K có đào một con mương nước để cho ruộng của gia đình được thoát nước và có một số hộ dân xung quanh sử dụng chung, từ năm 1976 đến năm 1979, đất của cụ K được đưa vào Tập đoàn số 29, đến năm 1987 tập đoàn giải thể, ông K xin lại đất canh tác, trong đó có con mương nước này để dùng thoát nước trong gia đình.

Sau khi ông K chia đất cho các con là bà D và ông T vào năm 2002, ông T đã chuyển nhượng phần của mình cho ông Đ, con mương vẫn được sử dụng để thoát nước cho gia đình bà K, ông Đ và có một số hộ lân cận cũng sử dụng chung.

Quá trình sử dụng đất, bà D đã kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0365082 ngày 25/6/2009 đối với thửa đất 268, tờ bản đồ số 11, phường Q, diện tích 432,2m², trong đó mương nước diện tích là 26,7m².

Năm 2016 và 2017, bà D có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân thành phố B về việc xử lý nước thải của những người dân chảy vào đất riêng của gia đình bà, sau khi nhận khiếu nại của bà D, Ủy ban nhân dân thành phố B đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q rà soát, kiểm tra lại cơ sở pháp lý về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D (trong đó có con mương nước).

Ngày 21/7/2016, Phòng Quản lý đô thị thành phố T4 phối hợp với phường Q tiến hành việc khảo sát thực tế con mương nước (có sự tham gia của bà D). Kết quả thể hiện con mương ngầm nằm trên thửa đất 268 tờ bản đồ số 11 đã có từ năm 1953, sử dụng làm mương thoát nước cho gia đình và một số hộ của hẻm B.

Ngày 02/6/2016, Ủy ban nhân dân phường Q có báo cáo số 69; Phòng Quản lý đô thị thành phố B có báo cáo số 1309 ngày 05/8/2016; và Phòng T4 cũng có công văn số 1428 ngày 27/02/2017 gửi Ủy ban nhân dân thành phố B kiến nghị giữ nguyên hiện trạng mương nước trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D để làm hệ thống thoát nước. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B khiếu nại không chấp nhận đơn khiếu nại của bà D.

Theo bà D trình bày thì lý do không chấp nhận khiếu nại của bà là vì Ủy ban nhân dân thành phố B chưa có kinh phí để thực hiện việc làm mương thoát nước cho các hộ dân như đã nêu trên.

[3.2] Xét, diện tích đất của gia đình bà D và gia đình ông Đ hiện có xây tường riêng, sát tường là con hẻm có khoảng hơn 10 hộ dân làm đường ngầm thoát nước từ các hộ đi ngang qua hẻm chảy xuyên qua tường riêng của gia đình bà D và gia đình ông Đ, để nước thoát vào phần nhà đất bà D, ông Đ vì bên trong đó có mương thoát nước.

Qua đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố B, thì bà D và ông Đ đồng ý làm cống thoát nước ngầm dưới con hẻm cho các hộ nêu trên thoát nước ra đường cống lớn là đường H, thay vì phải chảy vào phần đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của gia đình bà D và gia đình ông Đ, chiều dài cống là khoảng hết con đường hẻm của khoảng 10 hộ dân đang sử dụng, phía ông Đ, bà D đồng ý tự bỏ chi phí ra để làm đường thoát nước và lắp đường hẻm này lại như hiện trạng cũ.

Xét thấy, yêu cầu nêu trên của phía bà D, ông Đ, phù hợp với quy định của pháp luật về việc bảo hộ quyền sử dụng đất cho người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và vừa bảo đảm được việc thoát nước chung cho các hộ dân, nên Tòa án cấp phúc thẩm có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của phía bà D và ông Đ.

Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần này, hủy văn bản giải quyết khiếu nại nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố B để Cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B thực hiện lại các trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của bà D theo đúng quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí hành chính sơ thẩm:* Do chấp nhận khởi kiện của bà D, nên phía người bị kiện phải chịu theo luật định.

[5] *Về án phí hành chính phúc thẩm:* Do chấp nhận kháng cáo nên phía bà D1 không phải chịu.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên; Căn cứ Điều 241 Luật tố tụng Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lý Kim L4, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 3, 30, 32, 115, 116, 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Áp dụng Điều 203, 204 Luật đất đai năm 2013, Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Áp dụng Điều 265, 270 Bộ Luật Dân sự năm 2005; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khoa D.

2/ Hủy Văn bản số 7972 ngày 23/8/2016 và Văn bản số 2442 ngày 07/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đồng Nai phải nộp số tiền 300.000đồng.

4/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà D không phải nộp.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao.
- VCT và KSXXPT tại Tp. HCM.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- THADS tỉnh Đồng Nai.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu VP; HS vụ án.
- TK: Vũ Ngọc Yến Xuân.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ HOÀNG TẤN